TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2022/QĐST–TCDS	*Lục Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2021/TLST–TCDS ngày 22 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn B**, bà **Trần Thị N**

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn B

Địa chỉ: Thôn Sơn Tr, xã M. huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: anh **Hà Nguyên S**, chị **Hoàng Thị T**

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Hà Nguyên S, chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị N tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là: 724.500.000^{đ} (*bảy trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng*), phương thức thanh toán một lần, thời điểm thanh toán vào ngày 31/10/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày phải thanh toán mà các bên đã thỏa thuận cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự); nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp quá thời hạn trả nợ nêu trên, anh Hà Nguyên S và chị Hoàng Thị T không thực hiện việc thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hai bên thực hiện theo nội dung Văn bản thỏa thuận về việc trả nợ ngày 07/3/2022 (đã được Chứng thực tại văn phòng Công chức theo quy định của pháp luật).

- Về án phí: anh Hà Nguyên S, chị Hoàng Thị T phải chịu số tiền: 16.490.000^{đ} *(mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 14.000.000^{đ} (*mười bốn triệu đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002092 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tập QĐ.

THẨM PHÁN

Trần Đăng Ninh